

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+P7+P11	7:25	8+14+0	0+0+0		1+9+11	0+0+0	
2		RP1+BK14+P1	7:25	0+0+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 4 RP1-BK14
3		P4+P3+TTC2	7:25	18+4+0	0+0+0		12+9+1	0+0+0	
4		TGTH1+AMD+HSD	7:30	7+9+3	0+0+0		5+8+6	0+0+0	
5		RC4+RP3+AMD	9:25	1+3+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
6		P3+P4+VSP02	9:25	12+10+0	0+0		8+13+1	0+0	Benh nhan VSP02
7		P1+PPD+P8	9:25	13+5+4	0+0+0		4+8+10	0+0+0	
8		GP1 + P2+P5+P7	11:25	7+11+4	0+0+0		1+12+9	0+0+0	KT gáy tay

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 4 người P7 đi về trong ngày
2/ 1 người RP1 về bờ đợt 1 đi RC4 đợt 2



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	TO: RP3 - P7 - P11	CREW: CHIẾN - NPhú - NNam	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	69-70	2	15		85	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	TRỊNH NGỌC TỬ	RP3	63-64	2	12		76	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆP THANH	RP3	67-68	2	12	80	84	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỊ PHƯỚC	RP3	74	1	8	18	72	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH DANH	RP3	61-62	2	12		55	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
6	BUI VĂN MINH	RP3	65-66	2	12		60	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
7	LƯU HỒ ANH	RP3	71-72	2	10		80	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RP3	73	1	10	40	68	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P7					70	CA BRVT	Vietnamese
10	DUƠNG VĂN HOA	P7					55	CA BRVT	Vietnamese
11	VŨ MINH PHƯƠNG	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	P7					80	DVL	Vietnamese
13	LÊ HOÀI THANH	P7	31-32	2	15		68	YTE	Vietnamese
14	HOANG MẠNH CƯỜNG	P7	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7					71	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI VĂN SƠN	P7	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TIẾN HIỆP	P7	35	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI CÔNG LAN	P7	27	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC SƠN	P7	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	33	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	14	91	580	138	1		
2	P7	14	9	52	975	0	9		
3	P11	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	23	143	1.555	138	21		
WEIGHT KG				143	1.555	138			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	TO: RP1 - BK14 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Tú	ETA: 09:25
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	P1	19-20	2	12	80	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NINH QUỐC HỘI	P1	21	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	10	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P1	12	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	05	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN THẮNG	P1	09	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC HAI	P1	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	P1	06	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VỊ KHẮC THÀNH	P1	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN TUẤN	P1	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	03	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN LINH	P1	15-16	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	07-08	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	11	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG DUY KHƯƠNG	P1	13	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HỮU CHUNG	P1	14	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

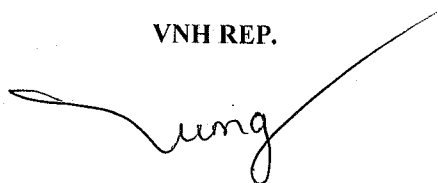
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	0	0	0	0	0	1	4	CHUYEN 4 PAX TU RP1 SANG BK14
2	BK14	0	0	0	0	20	0		
3	P1	17	19	146	1.205	80	21		
TOTAL		17	19	146	1.205	100	22		
WEIGHT KG				146	1.205	100			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P4 - P3 - TTC2	CREW: Dương - XTrường - Vũ	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV M. M-C.	P4	16	1	7		86	KH-THAC	Russian
2	PODYMOM DMITTY	P4	23	1	8		145	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	20	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	29	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ VĂN NIN	P4	26-27	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	35-36	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	17	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG KHAC DU	P4	18	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN CHIẾN	P4	28	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	33	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN PHÚC	P4	32	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHÍ BẢO	P4					78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH TUẤN	P4	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	15	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	P4	24-25	2	12		69	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG BA ĐIỀU	P4	21-22	2	6		54	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HAI	P4	19	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	30-31	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH SONG HAI	P3	79-80	2	15		67	YTE	Vietnamese
20	BUI THE DIEN	P3	84	1	10	50	67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	81-82	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO ĐÌNH HUY	P3	83	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	22	132	1.330	0	12		
2	P3	4	6	40	281	50	9		
3	TTC2	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		22	28	172	1.611	85	22		
WEIGHT KG				172	1.611	85			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	TO: TGTH1 - AMD - HSD	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: NKhánh - Trinh	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	63	1	9		72	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG KIEN	TGTH1	61	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VIET ĐỨC	TGTH1	60	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	62	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH1	64	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	57-58	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TAN VUONG	TGTH1	59	1	6		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VO BA LINH	AMD	40-41	2	14		75	HLJOC	Vietnamese
9	PHUNG MINH HAI	AMD	46	1	9		74	HLJOC	Vietnamese
10	PHAM TUAN HA	AMD	47-48	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG THE HIEN	AMD	45	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOAN TAN TRI	AMD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH KHANH	AMD	39	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM ANH NGU	AMD	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO BA THANH	AMD	49	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG THANH	AMD	42-43	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG ĐỨC HUNG	HSD	75	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CHI CUONG	HSD	73-74	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH TRUONG	HSD	76	1	7		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	7	8	49	525	0	5		
2	AMD	9	12	71	623	0	8		
3	HSD	3	4	29	212	0	6		
TOTAL		19	24	149	1.360	0	19		
WEIGHT KG				149	1.360	0			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

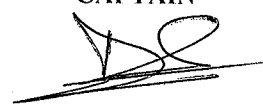
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	TO: RC4 - RP3 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Sơn - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH CONG *	RC4	26-27	2	20	33	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN SON TUNG	RP3	84	1	8	55	68	CO DIEN	Vietnamese
3	CAO HOAI THUONG	RP3	89-90	2	13		65	CO DIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG TUAN ANH	RP3	85	1	7		90	CO DIEN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH CAN	AMD	55	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU HUU CHINH	AMD	58	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEN	AMD	53	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET THANG	AMD	61	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	54	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HOANG	AMD	64-65	2	17		87	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUOC VIET	AMD	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TAN	AMD	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HONG THAI	AMD	62-63	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ĐỨC TÂM	AMD	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TRI HUNG	AMD	67	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC HUNG	AMD	59-60	2	20		66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO XUAN HAI	AMD	70	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG LINH	AMD	66	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LE ANH KHANH HOA	AMD	71-72	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC THIEN	AMD	68-69	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC HUNG	AMD	50	1	6		65	PSV	Vietnamese
22	THACH BANE	AMD	52	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	1	2	20	70	33	0		
2	RP3	3	4	28	223	55	0		
3	AMD	18	23	169	1.225	0	22		
TOTAL		22	29	217	1.518	88	22		
WEIGHT KG				217	1.518	88			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P3 - P4 - VSP02	CREW: CHIẾN - NPhú - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM TUAN KHAI	P3	92	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRUONG	P3	93	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC VINH	P3	85	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TAM THUY	P3	300	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HO NGHIA TAI	P3	97	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	CHAU DINH TU	P3	95	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN CONG THANH	P3	90-91	2	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VIET BINH	P3	84	1	4		60	PSV	Vietnamese
9	CAO DUY LUNG	P3	98	1	6		56	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN HAI TRUNG	P3	99	1	4		71	PSV	Vietnamese
11	LE VAN LOI	P3	96	1	5		55	PSV	Vietnamese
12	LE VAN QUYEN	P3	94	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	DINH VAN TOAN	P4	61	1	13	26	58	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM XUAN HAI	P4	63	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC HUNG	P4	62	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUNG BAY	P4	60	1	7	40	73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU THANH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH NAM	P4	50	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	P4	55-56	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGOC DUNG	P4	58-59	2	8		57	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THE VAN	P4	54	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	LE TUAN VU	P4	57	1	7		98	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

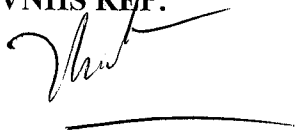
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	13	53	787	0	8		
2	P4	10	11	58	687	66	13		
3	VSP02	0	0	0	0	72	1		
TOTAL		22	24	111	1.474	138	22		
WEIGHT KG				111	1.474	138			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	TO: P1 - PPD - P8	CREW: Dương - XTrường - Vũ	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	28	1	5		115	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	65	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TỰ	P1	61	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	26	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
5	CHAU HUNG HUY	P1	59-60	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	27	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TIỀN	P1	29	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH HIẾU	P1	66	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUANG TUYẾN	P1	62	1	9		93	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO ĐỨC THUẬN	P1	69	1	8	28	67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN TIỀN DUNG	P1	67-68	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN CHÍNH ĐƯƠNG	P1	63-64	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ HỮU TRƯỞNG	P1	30	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	18	1	5		58	KHI	Vietnamese
15	LÊ HỒNG PHONG	PPD	19	1	7		82	KHI	Vietnamese
16	HA THẾ BẢO	PPD				25	76	KHI	Vietnamese
17	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	17	1	5		81	KHI	Vietnamese
18	HOANG VAN DOANH	PPD	15-16	2	7		66	PSV	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P8	82	1	8		75	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
20	LÊ MINH SỸ	P8	81	1	8		75	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG TRUNG	P8	79	1	8	55	78	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
22	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	P8	80	1	7		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	13	16	98	941	28	3		
2	PPD	5	5	24	363	25	9		
3	P8	4	4	31	280	55	10		
TOTAL		22	25	153	1.584	108	22		
WEIGHT KG				153	1.584	108			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/08/2023	TO: GTC1 - P2 - TD3 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cường - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ PHẠM THANH HUY	P2	03-04	2	16	30	82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC MINH	P2	53-55	3	13		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LAM	P2	50	1	10		88	ANTOAN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC NAM	P2	51-52	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÀI	P2	05	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HUNG	P2	06	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUÔNG	TD3	57-58	2	16	30	66	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG VIỆT	TD3	28	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	TD3	27,29	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔNG XUÂN SINH	TD3	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN MINH	TD3	56	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH TỰ	TD3	26	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NGỌC	TD3	59	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	TD3	54	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CAO MẠNH	TD3	63	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD3	61-62	2	10		68	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ KHẮC ĐÀ	TD3	55	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	BUI THANH CAM	P7	13	1	5	10	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P7	10	1	4		64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LOAN	P7	11	1	4		47	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CÁN	P7	12	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	0	0	0	0	0	1		
2	P2	6	10	87	447	30	01		
3	TD3	11	14	81	785	30	12		
4	P7	4	4	18	253	10	08		
TOTAL		21	28	186	1.485	70	22		
WEIGHT KG				186	1.485	70			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN